

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	209,459,420	6,123,912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,120,304,293	14.780.227

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tương đương tiền (*)		
Cộng	1.329.763.713	20.904.139
2. Phải thu của khách hàng		
2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	50.398.950.673	53.981.641.532
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	50.310.848.331	53.893.539.190
Cty cổ phần TM Xây dựng Hoàng Long	88.102.342	88.102.342
Phải thu các khách hàng khác	18.606.282.112	14.027.222.128
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	9.315.527.734	9.315.527.734
Các khách hàng khác	9.290.754.378	4.711.694.394
Cộng	69.005.232.785	68.008.863.660
2b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	723.287.361	723.287.361
Cộng	723.287.361	723.287.361
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	29.288.354.779	46.198.428.842
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	27.262.687.059	44.172.761.122
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
Trả trước cho người bán khác	8.567.227.446	4.061.403.553
Hội đồng BTGPMB DA chăn nuôi BŠTTQMCN Nghĩa Đàn	400.000.000	
CTY CP Đầu tư xây dựng Hà Thái	4.383.760.477	
Các nhà cung cấp khác	3.783.466.969	4.061.403.553
Cộng	37.855.582.225	50.259.832.395
4. Phải thu khác		
4a. Phải thu ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. (tiếp theo)

	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	34.374.263.972		32.562.912.149	
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000		2.211.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam - các khoản chi hộ	8.123.395.577		7.089.121.486	
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào - các khoản chi hộ	968.281.250		966.281.250	
Nguyễn Văn Hùng			417.000.000	
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt - Tiền cho mượn	45.000.000		45.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn - các khoản chi hộ	3.262.249.836		3.119.826.836	
Nguyễn Hữu Trung - Tạm ứng	3.562.582.121		3.562.390.121	
Nguyễn Văn Hùng - Tạm ứng	8.653.545.444		9.810.246.312	
Trần Thanh Hiệp - Tạm ứng	5.707.559.615		3.547.559.015	
Trần Thanh Hữu - Tạm ứng	1.840.842.129		1.794.487.129	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.313.058.194(2.269.894.715)		9.789.416.095 (2.087.644.863)	
Ký cược, ký quỹ	286.259.147		136.259.147	
Các khoản chi hộ, tạm ứng	1.512.365.700(235.300.000)		1.512.365.700 (235.300.000)	
Tạm ứng	4.087.167.203(2.034.594.715)		4.964.782.688	
Quĩ khen thưởng	68.604.432			
Thuế GTGT			68.604.432	

07
TY
TÂN
TO
TN
AY

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
chưa xuất hóa đơn			1.034.274.091	
Khác	1.358.661.712		2.073.130.037	(1.852.344.863)
Cộng	44.383.877.433	(2.269.894.715)	42.352.328.244	(2.087.644.863)

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	16.389.674.085		29.998.674.680	
Ông Nguyễn Hữu Trung	1.200.000.000		1.200.000.000	
Ông Nguyễn Văn Hùng	1.200.000.000		1.200.000.000	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	1.200.000.000		1.200.000.000	
Ông Trần Thanh Hiệp	8.809.000.000		8.809.000.000	
Ông Trần Thanh Hữu	1.200.000.000		1.200.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn - Phải thu về góp vốn đầu tư	16.389.674.680		16.389.674.680	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.067.675.085		300.000.000	
Ký cược, ký quỹ	1.067.675.085		300.000.000	
Cộng	17.457.349.765		30.298.674.680	

5. Phải thu cho vay dài hạn 13.609.000.000

Cho các bên liên quan vay	13.609.000.000
Ông Nguyễn Hữu Trung	1.200.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	1.200.000.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh	1.200.000.000
Ông Trần Thanh Hiệp	8.809.000.000
Ông Trần Thanh Hữu	1.200.000.000

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		88.102.342			88.102.342	
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoành Long		88.102.342			88.102.342	26.430.703
Phải thu tiền bán hàng	Từ trên 3	88.102.342		Từ trên 3 năm	88.102.342	

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(i)	Thời gian quá hạn năm	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác		2.752.229.288	276.616.833		2.476.482.187	183.119.585
Công ty Cổ phần Trường Sơn		235.300.000			235.300.000	
Phải thu tiền chi hộ ⁽ⁱⁱ⁾	Trên 3 năm	235.300.000		Từ 2 năm đến 3 năm	235.300.000	
Ông Nguyễn Huy Liêm		1.383.313.839			1.383.313.839	
Phải thu tiền cho vay ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Trên 3 năm	1.383.313.839		Từ 2 năm đến 3 năm	1.383.313.839	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		2.475.612.454	276.616.833		857.868.348	183.119.585
Phải thu tiền chi hộ ^(iv)	Từ 1 năm đến 2 năm	372.263.307	191.335.652	Dưới 1 năm	35.597.163	24.918.014
Phải thu tiền chi hộ ^(v)	Từ 2 năm đến 3 năm	284.270.605	85.951.398	Từ 1 năm đến 2 năm	171.902.796	85.951.398
Phải thu tiền chi hộ ^(vi)	Trên 3 năm	2.095.695.376		Từ 2 năm đến 3 năm	240.833.912	72.250.173
Phải thu tiền chi hộ ^(vi)	Trên 3 năm			trên 3 năm	409.534.477	
Cộng		2.840.331.630	276.616.833		2.564.584.529	183.119.585

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn

Số đầu năm

2.381.464.944

Trích lập trong năm 182.249.853

Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn

Số cuối kỳ

2.563.714.797**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5,677,468,295		383,191,065	
Công cụ, dụng cụ	186,510,601		1,000,000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17,961,557,061		15,210,429,796	

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	6.186.007.645		6.186.007.645	
Hàng hóa	65.865.018		65.865.018	
Cộng	30.077.408.620		21.846.493.524	

*Trong kỳ công ty nhập mua nguyên vật liệu chuẩn bị phục vụ sản xuất tại nhà máy đá nhân tạo.***8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	89.617.277	4.295.151
Phí bảo lãnh		30.909.090
Cộng	89.617.277	35.204.241

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí Công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	391.877.801	596.992.616
Phí bảo hiểm		8.182.667
Cộng	391.877.801	605.175.283

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	781.988.436	32.450.441.914	8.041.665.944		41.274.096.294
Mua trong kỳ	24.294.894.306	79.494.298.155	2.109.059.494	4.406.198.949	110.304.450.904
Giảm trong kỳ		1.800.000.000			1.800.000.000
Số cuối kỳ	25.076.882.742	110.144.740.069	10.150.725.438	4.406.198.949	149.778.547.198
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.573.000.000	494.015.455		2.067.015.455
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	377.487.564	13.170.946.438	2.936.347.251		16.484.781.253
Tăng do khấu hao trong kỳ	139.445.691	4.474.854.309	1.301.619.984	17.929.050	4.802.915.750

M.S.D.V

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam		
Công ty Cổ phần Công nghiệp TM & Dịch vụ Hoành Sơn		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		5.297.066.994
Công ty CP PT hạ tầng công nghiệp Đông Nam	1 446 756 410	1 496 756 410
Cty Cp cơ khí đúc VN	116 625 471	136.625.471
Công ty TNHH Vận tải & TM Quốc Bảo	302 600 000	326.600.0000
Guangzhou Honesty Trading Co...LTD	1.952.877.320	
Cty CP kết cấu thép Chung Dương	1.571.304.958	
Các nhà cung cấp khác	3.515.483.026	3.325.681.986
Cộng	8.905.647.185	5.297.065.067

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Cty CP Xuất nhập khẩu Cao Thăng	5.750.000.000	
Các khách hàng khác	200.729.030	27.153.500
Cộng	5 950 729 030	27.153.500

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>			<u>Số cuối kỳ</u>
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u> <u>Số được khấu trừ</u>	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.181.656.831	1.203.005.415	5.584.179.581	800.482.665
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(598.500)	1.949.523.358	(1.948.924.858)	
Thuế xuất, nhập khẩu		170.586.572	(170.586.572)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.964.705.584	382.848.403	(20.000.000)	15.327.553.987
Thuế thu nhập cá nhân	705.568.279	283.787.976		989.356.255
Thuế tài nguyên	7.324.238.531		(30.000.000)	7.294.238.531
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số phát sinh trong kỳ				
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số được khấu trừ	Số cuối kỳ
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.799.077.980		(50.000.000)		6.749.077.980
Cộng	34.974.648.705	3.993.751.724	(2.223.511.430)	5.584.179.581	31.160.709.418

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	0	7.840.285.534
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế		7.840.285.534
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	1.724.862.818

15. Chi phí phải trả ngắn hạn**15a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	14.550.082.084	24.655.243.717
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn – tiền mua quặng	7.322.660.000	7.322.660.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam – tiền thuê thiets bị	7.227.422.084	17.332.583.717
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	30.652.533.769	30.652.533.769
Chi phí lãi vay phải trả	9.467.953.024	10.165.883.525
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thương mại Hà Thái – chi phí vận chuyển và chế biến quặng	14.344.359.478	14.344.359.478

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn – chi phí mua quặng	4.025.306.755	4.025.306.755
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.094.783.294	1.502.438.556
Cộng	44.482.484.635	54.693.232.031

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>7.885.178.884</i>	<i>11.964.568.015</i>
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuộc Việt - vay không tính lãi		3.856.838.389
Ông Nguyễn Hữu Trung - vay không tính lãi		434.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng - vay không tính lãi		376.715.719
Ông Trần Thanh Hiệp - vay không tính lãi	4.000.000	479.130.552
Ông Trần Thanh Hữu - vay không tính lãi		383.963.500
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam - cổ tức phải trả	7.139.178.884	6.021.919.855
Thư lao HDQT, BKS	742.000.000	412.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>3.058.763.972</i>	<i>2.097.827.572</i>
Kinh phí công đoàn	102,201,854	62.146.334
Bảo hiểm xã hội	2.081.897.459	1.592.461.818
Bảo hiểm y tế	58.338.875	39.220.875
Bảo hiểm thất nghiệp	114.937.309	90.893.309
Vay không tính lãi	387.974.437	205.974.437
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	313.414.038	107.130.799
Cộng	10.943.942.856	14.062.395.587

17. Vay và nợ thuê tài chính**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<hr/>				

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	3.870.962.544	3.870.962.544	1.290.554.492	1.290.554.492
Vay Ông Trần Thanh Hữu ⁽ⁱ⁾	454.277.500	454.277.500	620.000.000	620.000.000
Vay Ông Nguyễn Hữu Trung	1.960.000.000	1.960.000.000		
Vay Ông Nguyễn Hữu Trung	434.000.000	434.000.000		
<i>Vay Ông Trần Thanh Hiệp⁽ⁱ⁾</i>	1.022.685.044	1.022.685.044	670.554.492	670.554.492
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay ngắn hạn ngân hàng	37.556.155.911	37.556.155.911	16.499.521.214	16.499.521.214
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT- chi nhánh Hoàng Quốc Việt⁽ⁱⁱ⁾</i>	17.014.327.606	17.014.327.606	16.499.521.214	16.499.521.214
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT- chi nhánh Đông Hà nội⁽ⁱⁱ⁾</i>	20.541.828.305	20.541.828.305		
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	11.722.389.135	11.722.389.135	4.022.550.746	4.022.550.746
<i>Vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràn An</i>	3.372.550.746	3.372.550.746	3.372.550.746	3.372.550.746
<i>Vay Bà Vũ Thùy Linh</i>	343.000.000	343.000.000	650.000.000	650.000.000
<i>Vay Cty Hà Thái</i>	4.150.000.000	4.150.000.000		
<i>Vay Siêu thị Thuốc Việt</i>	3.856.838.389	3.856.838.389		
Vay dài hạn đến hạn trả	10.288.000.000	10.288.000.000	19.611.072.601	19.611.072.601
Cộng	63.437.507.590	63.437.507.590	41.423.699.053	41.423.699.053

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị vay	Số khả năng trả nợ	Giá trị vay	Số khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn NH</i>	108.809.372.601	108.809.372.601	80.375.261.192	80.375.261.192
NH Agribank HQV	26 309 372 601	26 309 372 601	21.535.000.000	21.535.000.000
NH Agribank DHN:	82 500 000 000	82 500 000 000	58.840.261.192	58.840.261.192

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng		
Quỹ phúc lợi	1.552.000	1.552.000
Cộng	1.552.000	1.552.000

Y. N. C. A. T. Y. / 01

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.4).

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	15.589.062.646	179.648.174.792
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền					
Lợi nhuận trong kỳ này				(12.660.581.596)	(12.660.581.596)
Số dư cuối kỳ này	<u>160.000.000.000</u>	<u>3.167.767.978</u>	<u>891.344.168</u>	<u>2.856.481.050</u>	<u>166.915.593.194</u>

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.000.000	16.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**20a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	189,67	195,59

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	9 tháng năm nay	9 tháng năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		24.427.851.361

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>9 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Cộng	<u>2.010.446.629</u>	<u>31.684.727.907</u>
1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan		
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>9 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, cung cấp dịch vụ	907.037.377	16.488.807.184
Cộng	<u>907.037.377</u>	<u>16.488.807.184</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>6 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Chênh lệch tỷ giá	49.338.074	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.762.945	453.945.332
Cộng	<u>56.101.019</u>	<u>453.945.332</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>9 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.921.665.022	4.254.391.772
Chi phí tài chính khác	168.047	84.722.223
Cộng	<u>4.921.833.069</u>	<u>4.339.113.995</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>9 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.070.883	12.659.454
Các chi phí khác		
Cộng	<u>258.070.883</u>	<u>12.659.454</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>9 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.872.801.680	2.453.597.000
Chi phí vật liệu quản lý	25.119.764	900.000
Chi phí đồ dùng văn phòng		88.473.606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.634.423	419.634.423

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ III**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>9 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Thuế, phí và lệ phí	211.107.397	182.249.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.454.549	111.011.680
Chi phí dự phòng	182.249.853	
Các chi phí khác	251.376.619	156.028.708
Cộng	4.312.744.285	3.411.895.372
7. Lãi trên cổ phiếu		
8. Lãi trên cổ phiếu		

8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>9 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.660.581.596)	6.115.422.716
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	16.000.000	15.670.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-791	420

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:


	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>9 tháng năm nay</u>	<u>9 tháng năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	16.000.000	14.620.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	0	1.050.333
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	15.670.333

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Toàn



Nguyễn Văn Hùng




Trần Thanh Hiệp